

Bản án số: **184/2018/DS-PT**

Ngày: 28 - 11 - 2018

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán:

Ông Võ Ngọc Thông

Ông Mai Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2017/TLPT-DS ngày 15/11/2017 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2018/QĐ-PT ngày 06/11/2018 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Phạm Ngọc T; địa chỉ: Số 614 Đường T1, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*** Luật sư Nguyễn Đình T2 – Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: 119B đường NGT, thành phố N2. Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông Phạm Ngọc P; địa chỉ: Số 614 Đường T1, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*** Ông Lê Văn T3

– Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phạm Ngọc K; địa chỉ: Số 614 Đường T1, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt

2. Bà Phạm Thị P1; địa chỉ: Tập đoàn 6, thôn TL, xã N5, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt

3. Bà Phạm Thị C; địa chỉ: Thôn TT, xã N6, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị L; địa chỉ: Thôn ML, xã N7, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt

5. Bà Phạm Thị B; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt

6. Bà Phạm Thị L1; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt

7. Ông Phạm T4 (chết năm 2014).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm T4 gồm:

- Bà Nguyễn Thị Nh, bà Phạm Thị Nh1, ông Phạm Ngọc Nh2, ông Phạm Ngọc Ch, ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Ngọc Ph, ông Nguyễn Văn M1, bà Phạm Thị Ngọc M2, ông Phạm Ngọc Ph1. Có mặt

Cùng địa chỉ: 30A đường LTT, phường VT, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà Phạm Thị Ngọc C2; địa chỉ: Texas 75149 USA;

Đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Thị Nh, bà Phạm Thị Nh1, ông Phạm Ngọc Nh2, ông Phạm Ngọc Ch, ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Ngọc Ph, ông Nguyễn Văn M1, bà Phạm Thị Ngọc M2, ông Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1 là ông **Lê Văn T5**, sinh năm 1953; Trú tại: 40/1 HT, phường V3, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Theo các văn bản ủy quyền ngày 25/7/2015; ngày 21/8/2015; ngày 04/4/2016; Ông Tinh có mặt.

9. Bà Võ Thị X, bà Võ Thị V, ông Võ Đức Th1, bà Võ Thị L3, ông Võ T6; cùng địa chỉ: Thôn LH, xã V7, huyện V6, tỉnh Khánh Hòa;

10. Bà Võ Thị H; địa chỉ: Thôn HT, xã V7, huyện V6, tỉnh Khánh Hòa;

11. Ông Võ T7; địa chỉ: Thôn XT, xã D4, huyện D4, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

12. Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: 614 Đường T1, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa;

13. Bà Trần Thị Th2, ông Phạm Minh H2, ông Phạm Minh Ng, Bà Nguyễn Thị Hồng L4, cháu Phạm Ngọc T8, cháu Phạm Thị Ngọc V1; cùng địa chỉ: Số 614 Đường T1, phường N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị Hồng L4 ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T tham gia tố tụng. Theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2018. Ông Phạm Ngọc T có mặt

14. Ông Trần Hữu Ph2, bà Trần Thị Kim L5, ông Trần Văn D, bà Trần Thị Kim L6, ông Trần Văn A; cùng địa chỉ: Thôn PL, xã N8, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Trần Hữu Ph2 ủy quyền cho ông Trần Hữu Q. Theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 9 năm 2018. Ông Q có mặt.

Bà Trần Thị Kim L5, bà Trần Thị Kim L6, ông Trần Văn A ủy quyền cho ông Trần Văn D. Theo giấy ủy quyền ngày 13 tháng 06 năm 2018. Ông D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:*

Cha ông tên Phạm V2 (chết ngày 09/02/1991) và mẹ là bà Nguyễn Thị Th (chết ngày 28/12/2012). Lúc sinh thời cha mẹ sinh được 08 người con chung gồm: Phạm Ngọc K Phạm Thị P1, Phạm Thị C, Phạm Thị L, Phạm Thị B, Phạm Ngọc P, Phạm Thị L1 và ông (Phạm Ngọc T). Trước khi cha mẹ ông kết hôn, thì cha ông có đời vợ trước là bà Lê Thị N3 (đã chết). Ông Phạm V2 và bà Lê Thị N3 có 04 người con (02 người chết từ nhỏ chưa có gia đình); 02 người còn lại là ông Phạm T4 và bà Phạm Thị L7. Ông Phạm T4, chết năm 2014 có vợ là bà Nguyễn Thị Nh và có 09 người con, không rõ tên và địa chỉ. Bà Phạm Thị L7, chết năm 1992 có chồng là ông Võ S1 (chết năm 2002); tên và địa chỉ của những người con của bà L7 thì ông không rõ.

Ngoài ra, trước khi cha mẹ ông kết hôn, mẹ ông bà Nguyễn Thị Th có 02 người con riêng là Trần Hữu Ph2 và Trần N4. Ông Trần N4 chết năm 2007, có vợ là bà Trương Thị C5 và các con là Trần Thị Kim L5, Trần Văn D, Trần Thị Kim L6, Trần Văn A.

Khi còn sống, cha mẹ ông có tạo lập 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 100m² được xây dựng trên diện tích đất khoảng 1.500m² (theo số liệu do Hội đồng đăng ký ruộng đất thị trấn N cấp cho cha ông là ông Phạm V2 vào ngày 15/4/1985), tọa lạc số 614 Đường T1, phường N, huyện N1, Khánh Hòa, thuộc thửa đất số X30, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính huyện N1. Quá trình sử dụng cha mẹ ông đã khai hoang thêm nên diện tích đất hiện nay khoảng 2.400m².

Cha ông chết không để lại di chúc. Sau khi cha chết (09/02/1991) đến ngày 20/8/1991, ông Phạm Ngọc P đã tự lập một Giấy ủy quyền đứng tên cha

(Phạm V2) với nội dung cho phân đất viên gia để con trai xây dựng nhà ở, giấy ủy quyền này không phải ý chí của ông Phạm V2 (vì ông Phạm V2 đã chết) nên trái pháp luật. Tại biên bản họp gia đình năm 1997, các anh chị em trong gia đình đã thống nhất giao quyền định đoạt tài sản cho mẹ là bà Nguyễn Thị Th (Biên bản này có xác nhận của Phòng Công chứng số X tỉnh Khánh Hòa). Ngày 19/11/2007, bà Nguyễn Thị Th có lập một bản di chúc cho ông hưởng toàn bộ phần di sản của bà Th và phần di sản bà Th được hưởng từ ông Phạm V2 (Bản di chúc này đã được Chủ tịch ủy ban nhân dân thị trấn N1 chứng thực). Tuy nhiên, hiện nay ông Phạm Ngọc P quá tham lam, quản lý phần lớn diện tích đất của cha mẹ để cho thuê thu lợi cho bản thân, nhiều lần anh chị em trong gia đình yêu cầu ông Phạm Ngọc P chia cho anh chị em mỗi người hưởng một phần tài sản của cha, mẹ nhưng ông Phạm Ngọc P không đồng ý.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia cho ông được hưởng phần di sản thừa kế theo Bản di chúc mà bà Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007 đối với nhà đất tại số 614 Đường T1, Phường N, thị xã N1, Khánh Hòa.

** Bị đơn ông Phạm Ngọc P trình bày:*

Ông là con ông Phạm V2 và bà Nguyễn Thị Th, về thời gian chết của mẹ, họ tên của những người con chung của cha, mẹ; tên người vợ trước của cha, các người con riêng của cha (ông Phạm V2) và con riêng của mẹ (bà Nguyễn Thị Th) đúng như nguyên đơn khai. Tuy nhiên, về thời gian chết của ông Phạm V2 ngày 25/12/1991 (âm lịch), không phải ngày 09/02/1991 như nguyên đơn trình bày.

Di sản mà nguyên đơn tranh chấp có nguồn gốc là của ông Phạm V2 và bà Lê Thị N3 tạo lập, mẹ ông là bà Nguyễn Thị Th không tạo lập được khối tài sản nào. Phần nhà đất hiện nay ông đang quản lý, sử dụng là được cha ông cho theo giấy ủy quyền cho đất viên gia do ông Phạm V2 lập ngày 20/8/1991, có chữ ký của ông (Phạm Ngọc P), cha mẹ, ông T4, ông Phạm Ngọc T và có xác nhận của trưởng ban thôn là ông Huỳnh D1. Theo nội dung giấy ủy quyền ngày 20/8/1991, thì cha cho ông diện tích đất là 656m² (việc tẩy xóa diện tích 656m² trên giấy ủy quyền là do vợ ông sửa). Phần diện tích còn lại là do ông sang nhượng từ ông Nguyễn N5 (đã chết), việc sang nhượng không có giấy tờ.

Đối với phần diện tích đất mà ông cho bà Nguyễn Thị H1 thuê kinh doanh cà phê đã hết thời hạn theo hợp đồng. Hiện nay, việc cho thuê được hai bên thỏa thuận thời hạn thuê theo tháng, khi nào cần thì ông lấy lại.

Nay, ông Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu được chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Th theo bản di chúc mà bà Th lập ngày 19/11/2007, ông không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị P1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị L1, bà Phạm Thị B, ông Phạm Ngọc K trình bày:

Các ông bà là con của ông Phạm V2 và bà Nguyễn Thị Th. Về thời gian chết của cha mẹ, họ tên các người con chung của ông Phạm V2 và bà Nguyễn Thị Th, họ tên các người con riêng của ông Phạm V2 với bà Lê Thị N3 và các người con riêng của bà Th đúng như nguyên đơn ông Phạm Ngọc T đã khai.

Nguồn gốc khối di sản mà nguyên đơn ông Phạm Ngọc T tranh chấp là tài sản chung của ông Phạm V2 và bà Nguyễn Thị Th tạo lập.

Trước khi chết bà Nguyễn Thị Th có lập bản di chúc ngày 19/11/2007 định đoạt cho ông Phạm Ngọc T được hưởng phần di sản của bà Th là đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông, bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T.

- Bà Phạm Thị C trình bày:

Bà là con ông Phạm V2 và bà Nguyễn Thị Th. Về tên cha, mẹ, thời gian chết của cha mẹ, tên người vợ trước của cha, số người con chung của cha, mẹ bà là ông Phạm V2 và bà Th, những người con riêng của cha, con riêng của mẹ thống nhất lời khai của ông Phạm Ngọc P. Tài sản hiện nay nguyên đơn ông Phạm Ngọc T đang tranh chấp do cha Phạm V2 và mẹ Nguyễn Thị Th tạo lập. Khi còn sống cha, mẹ bà có cho bà hưởng một phần diện tích đất rồi nên bà không có ý kiến và không tranh chấp gì. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Văn T5 - người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn M1, bà Phạm Thị Nh1, ông Phạm Ngọc Nh2, ông Phạm Ngọc Ch, ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Ngọc Ph, ông Phạm Ngọc Ph1, bà Phạm Thị Ngọc M2, bà Phạm Thị Ngọc C2 trình bày:

Ông Phạm V2 kết hôn với bà Lê Thị N3 có sinh được 04 người con chung là bà Phạm Thị L7, ông Phạm Ngọc Tr, ông Phạm Ngọc C3 và ông Phạm T4 (Phạm Ngọc T4). Ông Tr, ông C3 chết không có vợ con. Ông T4 (chết năm 2014) có vợ là bà Nguyễn Thị Nh và 09 người con gồm ông Nguyễn Văn M1, bà Phạm Thị Nh1, ông Phạm Ngọc Nh2, ông Phạm Ngọc Ch, ông Phạm Ngọc Đ, ông Phạm Ngọc Ph, ông Phạm Ngọc Ph1, bà Phạm Thị Ngọc M2 và bà Phạm Thị Ngọc C2. Năm 1937, bà Lê Thị N3 chết đến năm 1946 ông Phạm V2 tiếp tục kết hôn với bà Nguyễn Thị Th và sinh được 08 người con chung đúng như nguyên đơn và bị đơn đã khai.

Nguồn gốc tài sản mà nguyên đơn tranh chấp là của ông Phạm V2 được hưởng từ cha, mẹ. ông Phạm V2 đã kết hôn với bà Lê Thị N3, bà Lê Thị N3 chết tiếp tục kết hôn với bà Th, do đó tài sản này được xem là tài sản chung của ông Phạm V2, bà Lê Thị N3 và bà Th theo Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên,

người đại diện theo ủy quyền cho rằng bản di chúc ngày 19/11/2007 không hợp pháp. Do đó, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T.

- Ông Trần Hữu Ph2 trình bày:

Ông là con của bà Nguyễn Thị Th và ông Trần C4 (tên gọi khác là Trần Đ1). Bà Th và ông C4 có 02 người con là ông (Trần Hữu Ph2) và ông Trần N4. Ông Trần N4 chết năm 2007, có vợ là bà Trương Thị C5 và các con là Trần Thị Kim L5, Trần Văn D, Trần Thị Kim L6, Trần Văn A. Sau khi cha ông chết thì bà Th kết hôn với ông Phạm V2 có 08 người con chung như nguyên đơn trình bày.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phạm V2 tạo lập trước khi mẹ ông là bà Nguyễn Thị Th về chung sống với ông Phạm V2 năm 1946. Sau đó, ông Phạm V2 và bà Th mới xây dựng căn nhà mái ngói âm dương.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc của bà Th và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Văn D, bà Trần Thị Kim L6, bà Trần Thị Kim L5 và ông Trần Văn A trình bày:

Các ông bà là con ông Trần N4, chết năm 2007 và bà Trương Thị C5; là cháu nội của bà Nguyễn Thị Th và ông Trần C4. Các ông bà thống nhất với lời khai của ông Trần Hữu Ph2; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Võ Thị X, bà Võ Thị V, ông Võ Đức Th1, bà Võ Thị L3, bà Võ Thị H và ông Võ T6 trình bày:

Các ông bà là con ông Võ S1, chết năm 2001 và bà Phạm Thị L7, chết năm 1992; cha mẹ có 10 người con, 03 người chết lúc nhỏ, chưa có gia đình, 07 người còn sống gồm các ông bà và ông Võ Phạm Ngọc T8, ông Phạm V2, chết năm 1991 và bà Lê Thị N3 (không nhớ rõ thời gian chết) có 04 người con là bà Phạm Thị L7, ông Phạm Ngọc T4 (Phạm T4), ông Phạm Ngọc C6, ông Phạm Ngọc Tr. Ông Cảnh, ông Trác chết không có vợ, con; ông T4 chết năm 2014, có vợ con. Sau khi bà Lê Thị N3 chết, ông Phạm V2 lấy người vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị Th; ông Phạm V2 và bà Th có 08 người con chung như nguyên đơn trình bày.

Ông Phạm V2 và bà Lê Thị N3 tạo lập 01 ngôi nhà tường xây gạch, nền xi măng, mái ngói diện tích khoảng 80 m2 trên diện tích đất khoảng 1.500m2 tại số 614 Đường T1, Phường N, Thị xã N1, Khánh Hòa. Trên đất hiện nay có gia đình ông Phạm Ngọc P, Phạm Ngọc T xây nhà ở; còn nhà từ đường do gia đình ông T4 và bà Nguyễn Thị Nh quản lý.

Liên quan đến di sản mà ông bà ngoại của ông bà để lại mà nguyên đơn ông Phạm Ngọc T khởi kiện thì các ông bà không có tranh chấp gì; giao cho gia đình ông T4, ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Ngọc P sở hữu.

- Ông Võ T7 trình bày:

Ông là con ông Võ S1 và bà Phạm Thị L7. Cha mẹ ông có tất cả 08 người con chung gồm: Bà Võ Thị X, bà Võ Thị V, ông Võ Đức Th1, bà Võ Thị L3, bà Võ Thị H, ông Võ T6, ông (Võ T7) và bà Võ Thị G (đã chết).

Nguồn gốc lô đất đang tranh chấp tại số 614 Đường T1, Phường N, Thị xã N1 là do ông bà ngoại của ông là ông Phạm V2 và bà Lê Thị N3 tạo lập. Sau khi bà ngoại Lê Thị N3 chết, thì ông Phạm V2 tái giá với bà Nguyễn Thị Th và có 08 người con chung như nguyên đơn trình bày.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, vì đất này là của ông bà ngoại Ông là ông Phạm V2 và bà Lê Thị N3 tạo lập; yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Trần Thị Th2, ông Phạm Minh Ng, ông Phạm Minh H2 trình bày:

Bà Trần Thị Th2 là vợ ông Phạm Ngọc P; ông Phạm Minh Ng, ông Phạm Minh H2 là con ông Phạm Ngọc P và bà Trần Thị Th2. Bà Th2, ông Ng, ông H2 hiện đang sinh sống cùng địa chỉ với ông Phạm Ngọc P. Các ông bà thống nhất với V kiến của bị đơn ông Phạm Ngọc P.

- Bà Nguyễn Thị Hồng L4 trình bày.

Bà là vợ của ông Phạm Ngọc T; bà và ông Phạm Ngọc T có 02 người con là Phạm Ngọc T8 (sinh năm 2008) và Phạm Thị Ngọc V1 (sinh năm 2009) hiện đang sinh sống tại 614 Đường T1, Phường N, thị xã N1. Liên quan đến nội dung vụ án, bà thống nhất với ý kiến của ông Phạm Ngọc T.

- Bà Nguyễn Thị H1 trình bày.

Ngày 02/4/2007, bà có ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông Phạm Ngọc P có diện tích khoảng 500m² tại 614 Đường T1, Phường N, thị xã N1, Khánh Hòa; thời hạn thuê từ 31/3/2007 đến 31/12/2015. Các công trình có trên đất là của ông Phạm Ngọc P cho thuê. Quá trình sử dụng bà H1 có sửa chữa lại và làm thêm phần gác gỗ; ngoài ra không có làm gì khác, về nội dung tranh chấp thừa kế tài sản bà không có liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

- Áp dụng các Điều: 624, 625, 626, 627, 628, 630 và 631 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Công nhận Di chúc do cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007 có chứng thực của chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N1 là bản Di chúc hợp pháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Phạm Ngọc T về việc “Tranh chấp Di sản thừa kế theo Di chúc” của cụ Nguyễn Thị Th là nhà và đất tọa lạc tại số 614 Đường T1, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa đối với bị đơn là ông Phạm Ngọc P.

- Chia cho ông Phạm Ngọc T phần diện tích đất 546m² (ký hiệu lô A trên sơ đồ trích đo địa chính kèm theo Bản án) và phần diện tích đất nông nghiệp 127,1m² (trong đó có 8,1m² thuộc quy hoạch giao thông) (ký hiệu E trên sơ đồ trích đo địa chính kèm theo bản án).

3. Ông Phạm Ngọc P có nghĩa vụ tháo dỡ các vật kiến trúc đã xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp có ký hiệu E (trên trích đo địa chính kèm theo bản án).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/5/2017, bị đơn ông Phạm Ngọc P kháng cáo cho rằng: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, đánh giá sai chứng cứ, cơ quan Nhà nước đang thụ lý giải quyết về hộ tịch liên quan đến di chúc bị khởi kiện; từ chối yêu cầu giám định, từ chối yêu cầu độc lập. Ngày 15/5/2017 và ngày 24/5/2017 ông Lê Văn T5 đại diện ủy quyền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Nh, Phạm Thị Nh1, Phạm Ngọc Nh2, Phạm Ngọc Ch, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc Ph, Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1, Phạm Ngọc M và Nguyễn Văn M1 Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vì vi phạm tố tụng nghiêm trọng trong xét xử.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn và đại diện người liên quan không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn bổ sung nội dung kháng cáo cụ thể như sau: Ngày mất của ông Phạm V2 ghi trong di chúc của bà Th là không đúng; chữ ký của ông Lê Thanh S1 trong di chúc không đúng với chữ ký của ông Sơn đã đăng ký; Tòa án xét xử sơ thẩm khi ông Phạm Ngọc T đang đề nghị điều chỉnh lại ngày mất của ông Phạm V2, ngày mất của ông Phạm V2 không phải là ngày bà Th ghi trong di chúc vì ngày này đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy bỏ; về những sai phạm trên nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì: Ngày mất của ông Phạm V2 ghi trong di chúc là không đúng.

Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn và Người liên quan, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì các nội dung này cấp sơ thẩm đã xem xét. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đương sự. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết phúc thẩm vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn (ông Phạm Ngọc P) và kháng cáo của những người liên quan do ông Lê Văn T5 làm đại diện đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thì thấy:

[1.1]. Xét nội dung kháng cáo cho rằng: Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vi phạm tố tụng nghiêm trọng vì đang khiếu nại hộ tịch liên quan đến di chúc thì thấy: Trong vụ án này theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình giải quyết vụ án giữa Nguyên đơn và Bị đơn không thống nhất về ngày, tháng cụ Phạm V2 (bố của Nguyên đơn và Bị đơn) mất. Ông Phạm Ngọc T cho rằng cụ V2 mất ngày 09/02/1991 còn ông Phạm Ngọc P cho rằng cụ V2 mất ngày 25/12/1991 (âm lịch). Cụ Phạm V2 mất ngày 09/02/1991 như trình bày của ông Phạm Ngọc T hay ngày 25/12/1991 (âm lịch) như trình bày của ông Phạm Ngọc P không làm ảnh hưởng đến quyền lập di chúc để định đoạt phần tài sản của cụ Nguyễn Thị Th trong khối tài sản chung với cụ V2; mặt khác, sau khi cụ V2 mất thì hơn 16 năm sau cụ Nguyễn Thị Th mới lập di chúc định đoạt phần tài sản của mình (cụ V2 mất năm 1991 thì đến ngày 19/11/2007 cụ Nguyễn Thị Th mới lập

di chúc). Vì thế việc xác định lại ngày mất của cụ V2 không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án nên nội dung kháng cáo này của Bị đơn và những Người liên quan không có căn cứ để chấp nhận.

Bị đơn và Luật sư của Bị đơn cho rằng phải giám định chữ ký của ông Lê Thanh S1 trong Di chúc của cụ Nguyễn Thị Th vì chữ ký của ông Sơn không đúng mẫu chữ ký đã đăng ký. Hội đồng xét xử thấy rằng: Di chúc của cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007 có chứng thực của ông Lê Thanh S1 chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N1 (nay là phường N). Điểm c khoản 1 Điều 92 (Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh) của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp; trường hợp có dấu hiệu nghi tính khách quan của những tình tiết, sự kiện này hoặc tính khách quan của văn bản công chứng, chứng thực thì Thẩm phán có thể yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức công chứng, chứng thực xuất trình bản gốc, bản chính”*. Do phía Bị đơn cho rằng chữ ký của ông Lê Thanh S1 trong di chúc của bà Th không đúng mẫu chữ ký đã đăng ký nên Hội đồng xét xử đã đối chiếu với bản gốc của bản Di chúc do Nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa thấy đúng với bản lưu trong hồ sơ vụ án; tại Văn bản xác nhận ngày 20/9/2018, ông Lê Thanh S1 xác nhận như sau: *“Ngày 19/11/2007 (thời gian này) tôi là chủ tịch UBND thị trấn N1 (nay là phường N), tôi có chứng thực Di chúc do bà Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007, số chứng thực: 23, quyển số 01TP/CC-SCT/HĐGD và chữ ký chứng thực trên Di chúc đúng là của tôi”*. Xác nhận của ông Lê Thanh S1 được Công chứng viên Đinh Thị Vân – Văn phòng công chứng Đinh Vân thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 20/9/2018. Như vậy, kháng cáo của Bị đơn về xem xét lại chữ ký của ông Lê Thanh S1 trong bản Di chúc là không có căn cứ để chấp nhận.

[1.2]. Các bên đều thừa nhận hàng thừa kế thứ nhất của cụ V2, cụ N3 và cụ Nguyễn Thị Th; các bên chỉ không thống nhất về di sản do cụ V2, cụ N3 và cụ Nguyễn Thị Th để lại. Ông Phạm Ngọc P (con chung của cụ V2 với cụ Nguyễn Thị Th) và các con và vợ của ông Phạm Ngọc T4 (ông T4 là con chung của cụ V2 và cụ N3) gồm: Phạm Thị Nh1, Phạm Ngọc Nh2, Phạm Ngọc Ch, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc Ph, Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1, Phạm Ngọc M. Nguyễn Văn M1 và bà Phạm Thị Nh3 cho rằng tài sản nguyên đơn đang tranh chấp là tài sản chung của cụ V2 và cụ N3 (vợ đầu của cụ V2) cho rằng cụ Nguyễn Thị Th không có công sức gì trong khối di sản mà cụ V2 và cụ N3 đã để lại. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cụ V2 chung sống với cụ N3 sinh được 4 người con chung là các ông bà: Phạm Thị L7, Phạm Ngọc Tr, Phạm Ngọc C6 và Phạm Ngọc T4 (Phạm T4). Các ông Phạm Ngọc Tr, Phạm Ngọc C6 chết chưa có gia đình. Cụ N3 mất năm 1937, năm 1946 thì cụ V2 kết hôn với cụ Nguyễn Thị Th và sinh được 8 người con chung là các ông, bà: Phạm Ngọc K, Phạm Thị P1,

Phạm Thị C, Phạm Thị L, Phạm Thị B, Phạm Ngọc P (bị đơn), Phạm Thị L1 và Phạm Ngọc T (nguyên đơn) như vậy có căn cứ để khẳng định từ năm 1946 vợ chồng cụ V2, cụ Nguyễn Thị Th đã chung sống trong ngôi nhà trên diện tích đất mà các bên đang tranh chấp nên theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình qua các thời kỳ thì tài sản mà các Cụ đã tạo lập ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xác định ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m2 nằm trên diện tích đất 2.410m2 thuộc thửa đất số X30, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính huyện N1) tại 614 Đường T1, phường N, Thị xã N1, Khánh Hòa là tài sản chung của Cụ V2, cụ N3 và cụ Nguyễn Thị Th và công nhận cụ Nguyễn Thị Th có 1/3 số tài sản trong khối tài sản chung đó là có căn cứ, đúng thực tế và đúng quy định của pháp luật. Do tài sản được xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của cụ V2, cụ N3 và cụ Nguyễn Thị Th nên cụ Nguyễn Thị Th có quyền định đoạt phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trong khối tài sản chung. Bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007 có chứng thực của chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N1 là bản Di chúc hợp pháp là có căn cứ, đúng với các quy định tại các Điều: 624, 625, 626, 627, 628, 630 và 631 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.3]. Trong bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị Th lập có định đoạt phần tài sản mà cụ Nguyễn Thị Th được thừa kế của cụ V2 (chồng cụ Nguyễn Thị Th) nhưng do người được hưởng Di chúc không yêu cầu xem xét phần tài sản này nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người được hưởng di sản thừa kế của cụ V2 và cụ N3.

Như vậy có căn cứ để khẳng định Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xác định ngôi nhà cấp 4 có diện tích 100m2 nằm trên diện tích đất 2.410m2 thuộc thửa đất số X30, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính huyện N1) tại 614 Đường T1, phường N, Thị xã N1, Khánh Hòa là tài sản chung của Cụ V2, cụ N3 và cụ Nguyễn Thị Th và công nhận bản Di chúc do cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007 có chứng thực của chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N1 là bản Di chúc hợp pháp là có căn cứ, đúng pháp luật nên những nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Ngọc P và kháng cáo của ông Lê Văn T5 đại diện ủy quyền cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là: Bà Nguyễn Thị Nh, Phạm Thị Nh1, Phạm Ngọc Nh2, Phạm Ngọc Ch, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc Ph, Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1, Phạm Ngọc M và Nguyễn Văn M1 không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Ngọc P và các ông bà: Nguyễn Thị Nh, Phạm Thị Nh1, Phạm Ngọc Nh2, Phạm Ngọc Ch,

Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc Ph, Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1, Phạm Ngọc M và Nguyễn Văn M1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn (ông Phạm Ngọc P) và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là: Bà Phạm Thị Nh1, Phạm Ngọc Nh2, Phạm Ngọc Ch, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc Ph, Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1, Phạm Ngọc M. Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị Nh. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Áp dụng các Điều: 624, 625, 626, 627, 628, 630 và 631 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn (ông Phạm Ngọc T) về việc “*Tranh chấp Di sản thừa kế theo Di chúc*” của cụ Nguyễn Thị Th là nhà và đất tọa lạc tại số 614 Đường T1, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa đối với bị đơn là ông Phạm Ngọc P.

2. Công nhận Di chúc do cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 19/11/2007 có chứng thực của chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N1 là bản Di chúc hợp pháp.

2.1. Chia cho ông Phạm Ngọc T phần diện tích đất 546m² (ký hiệu lô A trên sơ đồ trích đo địa chính kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa) và phần diện tích đất nông nghiệp 127,1m² (trong đó có 8,1m² thuộc quy hoạch giao thông, ký hiệu E trong sơ đồ nói trên).

2.2. Ông Phạm Ngọc P có nghĩa vụ tháo dỡ các vật kiến trúc đã xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp tại phần 2.1 quyết định này để giao trả đất cho ông Phạm Ngọc T.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Ông Phạm Ngọc P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0227 ngày 23/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Các ông bà: Phạm Thị Nh1, Phạm Ngọc Nh2, Phạm Ngọc Ch, Phạm Ngọc Đ, Phạm Ngọc Ph, Phạm Ngọc Ph1, Phạm Thị C1, Phạm Ngọc M,

Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị Nh mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai số 0228 ngày 23/5/2017 và số 0230 ngày 01/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (các hóa đơn nói trên tên người nộp là ông Lê Văn T5).

4. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến